

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Chí Vũ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc	Thành viên
Ông Trần Đắc Long	Thành viên
Ông Hồ Sỹ Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Công Đoàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Đoàn	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hồ Sỹ Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Số. 03M /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 19 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

2500
NH
ĐNG
NHIỆM
LOI
T N
TP. H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		43.675.251.009	58.654.165.797
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.016.812.477	2.570.166.831
1. Tiền	111	5	3.016.812.477	2.570.166.831
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.738.087.131	48.412.801.102
1. Phải thu khách hàng	131		56.574.655.818	63.125.146.740
2. Trả trước cho người bán	132		871.560.000	400.770.100
3. Các khoản phải thu khác	135		1.526.196.313	1.308.259.262
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(22.234.325.000)	(16.421.375.000)
III. Hàng tồn kho	140	6	2.052.942.841	5.183.823.943
1. Hàng tồn kho	141		2.052.942.841	5.183.823.943
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.867.408.560	2.487.373.921
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	220.368.307
2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.000.000	52.857.667
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		629.067.861	436.169.633
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.236.340.699	1.777.978.314
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		11.321.452.930	16.218.341.788
I. Tài sản cố định	220		8.071.767.096	12.999.328.609
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	8.071.767.096	12.999.328.609
- Nguyên giá	222		63.626.631.302	64.484.909.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.554.864.206)	(51.485.580.482)
II. Tài sản dài hạn khác	260		3.249.685.834	3.219.013.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		947.676.875	832.679.429
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	8	2.302.008.959	2.386.333.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		54.996.703.939	74.872.507.585

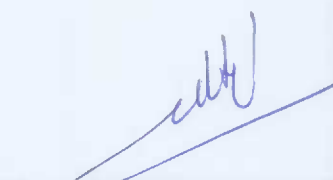
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		22.311.978.857	42.440.756.877
I. Nợ ngắn hạn	310		22.251.978.857	38.173.556.877
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	4.171.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		8.635.834.930	21.289.512.224
3. Người mua trả tiền trước	313		112.188.932	483.926.484
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	68.654.258	111.019.757
5. Phải trả người lao động	315		2.024.779.098	4.087.353.785
6. Chi phí phải trả	316	11	3.130.071.498	4.935.648.029
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	3.451.373.337	5.700.257.477
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		658.076.804	1.565.839.121
II. Nợ dài hạn	330		60.000.000	4.267.200.000
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	4.207.200.000
2. Phải trả dài hạn khác	333		60.000.000	60.000.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		32.684.725.082	32.431.750.708
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	32.684.725.082	32.431.750.708
1. Vốn cổ phần	411		27.682.210.000	27.682.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.739.082.602	3.739.082.602
3. Cổ phiếu quỹ	414		(515.226.000)	(515.226.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.081.393.353	1.081.393.353
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.172.981.307	7.172.981.307
6. Lỗ lũy kế	420		(6.475.716.180)	(6.728.690.554)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		54.996.703.939	74.872.507.585



Hoàng Thị Thu Hạnh
 Người lập biểu
 Ngày 19 tháng 3 năm 2013



Trần Đắc Long
 Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Dũng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN19-21-23 Phạm Việt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2012	2011
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		50.943.981.404	75.981.391.400
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		50.943.981.404	75.981.391.400
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		38.760.223.633	61.395.008.818
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.183.757.771	14.586.382.582
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		167.569.161	463.104.500
6. Chi phí tài chính	22		129.772	564.739.759
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	143.939.759
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.099.658.443	24.421.602.473
8. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		251.538.717	(9.936.855.150)
9. Thu nhập khác	31		454.905.426	516.814.237
10. Chi phí khác	32		369.144.978	125.294.084
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		85.760.448	391.520.153
12. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40)	50		337.299.165	(9.545.334.997)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	-	-
14. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	8	84.324.791	(2.386.333.750)
15. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		252.974.374	(7.159.001.247)
16. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	17	92	(2.609)



Hoàng Thị Thu Hạnh
Người lập biểu
Ngày 19 tháng 3 năm 2013



Trần Đức Long
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	337.299.165	(9.545.334.997)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.597.460.344	5.371.110.323
Các khoản dự phòng	03	5.812.950.000	15.372.950.000
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(36.200.000)	420.800.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(235.843.147)	(847.810.416)
Chi phí lãi vay	06	-	143.939.759
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.475.666.362	10.915.654.669
Thay đổi các khoản phải thu	09	6.261.361.025	(9.821.389.393)
Thay đổi hàng tồn kho	10	3.130.881.102	1.693.060.750
Thay đổi các khoản phải trả	11	(16.897.746.153)	(4.507.129.388)
Thay đổi chi phí trả trước	12	105.370.861	368.142.320
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(143.939.759)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(86.166.250)	(875.327.624)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.486.856.700
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(907.762.317)	(746.585.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.081.604.630	(1.630.656.750)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(20.000.000)	(1.042.884.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	454.575.155	510.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.762.332.798
4. Thu lãi tiền gửi	27	131.369.161	172.771.702
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	565.944.316	1.402.219.955
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	3.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(4.400.000.000)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(2.200.903.300)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.200.903.300)	(1.400.000.000)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	446.645.646	(1.628.436.795)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.570.166.831	4.198.603.626
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.016.812.477	2.570.166.831



Hoàng Thị Thu Hạnh
Người lập biểu
Ngày 19 tháng 3 năm 2013



Trần Đức Long
Kế toán trưởng




Hồ Sỹ Dũng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300463792 ngày 11 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003977 ngày 27 tháng 10 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh. Tiền thân của Công ty là doanh nghiệp nhà nước được chuyển sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 3257/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Giao thông Vận tải. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCoM thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 30 tháng 3 năm 2010 với mã chứng khoán là STS. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) là cổ đông chính của Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 130 người (2011: 128 người).

Các chi nhánh trực thuộc Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn – Cảng Tân Thuận Đông.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn – Xí nghiệp Vận tải và Giao nhận.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn tại Hà Nội.

Hoạt động chính

Vận tải đa phương thức quốc tế; vận tải hàng hóa thông thường, hàng siêu trường, siêu trọng, vận tải hàng hóa bằng container, hàng hóa quá cảnh cho Lào, Campuchia và các nước trong khu vực. Vận tải đường thủy. Vận tải đường bộ, đường ống. Dịch vụ vận tải giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Kinh doanh khai thác cảng biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; hoạt động kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ vệ sinh tàu biển. Đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển và dịch vụ môi giới hàng hải. Kinh doanh các hoạt động phụ trợ cho vận tải. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, vay, nhận ký quỹ dài hạn và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

chi phí dịch vụ thuê ngoài để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2012</u> (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị quản lý	3 - 5
Phương tiện vận tải	7 - 10

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Việt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	425.539.643	857.037.870
Tiền gửi ngân hàng	2.591.272.834	1.713.128.961
	<u>3.016.812.477</u>	<u>2.570.166.831</u>

1250
CHI NH
CÔNG
NHIE
ELO
VIỆT
- TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Việt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	249.071.987	157.541.765
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.803.870.854	5.026.282.178
	<u>2.052.942.841</u>	<u>5.183.823.943</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2012	36.302.730.413	658.531.150	27.523.647.528	64.484.909.091
Tăng trong năm	-	20.000.000	-	20.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(878.277.789)	(878.277.789)
Tại ngày 31/12/2012	<u>36.302.730.413</u>	<u>678.531.150</u>	<u>26.645.369.739</u>	<u>63.626.631.302</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2012	31.149.243.333	469.720.766	19.866.616.383	51.485.580.482
Khấu hao trong năm	2.761.790.076	61.057.319	1.774.612.949	4.597.460.344
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(528.176.620)	(528.176.620)
Tại ngày 31/12/2012	<u>33.911.033.409</u>	<u>530.778.085</u>	<u>21.113.052.712</u>	<u>55.554.864.206</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.391.697.004</u>	<u>147.753.065</u>	<u>5.532.317.027</u>	<u>8.071.767.096</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>5.153.487.080</u>	<u>188.810.384</u>	<u>7.657.031.145</u>	<u>12.999.328.609</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 19.534.579.762 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2011: 6.833.956.051 đồng).

8. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm

	Chi phí phải trả VND	Lỗ tính thuế VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2012	107.958.115	2.278.375.635	2.386.333.750
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(107.958.115)	23.633.324	(84.324.791)
Tại ngày 31/12/2012	<u>-</u>	<u>2.302.008.959</u>	<u>2.302.008.959</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 9.208.035.832 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 9.113.502.538 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận cho toàn bộ khoản lỗ này. Lỗ tính thuế sẽ hết hạn sau 5 năm kể từ năm liền kề sau năm phát sinh.

1-002-
 ÁNH
 TY
 HỮU
 HỮU
 TTE
 NAM
 HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Các khoản lỗ tính thuế VND
2016	9.113.502.538
2017	94.533.294
	<u>9.208.035.832</u>

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.171.000.000	-
	<u>4.171.000.000</u>	<u>-</u>

Nợ dài hạn đến hạn trả thể hiện khoản vay 200.000 USD từ Công ty Yuan Cherng Holdings Pte Ltd. theo Hợp đồng vay không số ngày 12 tháng 2 năm 1996 với mục đích mua 4 căn nhà trên đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia thành lập công ty liên doanh với bên cho vay. Khoản vay này không chịu lãi suất và không có thế chấp. Khoản vay này được phân loại nợ dài hạn đến hạn trả như được trình bày trong Thuyết minh số 20.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	46.652.253	71.762.244
Thuế thu nhập cá nhân	22.002.005	39.257.513
	<u>68.654.258</u>	<u>111.019.757</u>

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trích trước chi phí công trình Phong Điện	-	280.000.000
Trích trước chi phí bốc xếp, nhiên liệu Cảng Tân Thuận Đông	264.395.667	177.626.748
Trích trước chi phí vận chuyển thiết bị công trình thủy điện Đồng Nai 4	1.937.933.099	1.937.933.099
Trích trước chi phí công trình thủy điện Nam Chiến	-	1.761.088.182
Trích trước chi phí lãi vay (Thuyết minh số 20)	779.000.000	779.000.000
Chi phí phải trả khác	148.742.732	-
	<u>3.130.071.498</u>	<u>4.935.648.029</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.323.634.600	5.524.537.900
Khác	127.738.737	175.719.577
	<u>3.451.373.337</u>	<u>5.700.257.477</u>

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết về cổ đông và số cổ phần nắm giữ tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	<u>Tại 31/12/2012</u>		<u>Tại 31/12/2011</u>	
	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	51,63	1.429.226	51,63	1.429.226
Các cổ đông khác	48,37	1.338.995	48,37	1.338.995
	<u>100</u>	<u>2.768.221</u>	<u>100</u>	<u>2.768.221</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN19-21-23 Phạm Việt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2011	27.682.210.000	3.739.082.602	(515.226.000)	320.394.033	7.172.981.307	7.609.993.197	46.009.435.139
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(7.159.001.247)	(7.159.001.247)
Phân phối quỹ trong năm	-	-	-	760.999.320	-	(1.691.168.504)	(930.169.184)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.488.514.000)	(5.488.514.000)
Tại ngày 31/12/2011	27.682.210.000	3.739.082.602	(515.226.000)	1.081.393.353	7.172.981.307	(6.728.690.554)	32.431.750.708
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	252.974.374	252.974.374
Tại ngày 31/12/2012	27.682.210.000	3.739.082.602	(515.226.000)	1.081.393.353	7.172.981.307	(6.475.716.180)	32.684.725.082

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 7 năm 2011, các cổ đông Công ty đồng ý trích bổ sung các quỹ đầu tư phát triển là 760.999.320 đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi là 930.169.184 đồng và chia cổ tức là 5.488.514.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2010. Trong năm 2012, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức này cho cổ đông với số tiền là 2.200.903.300 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Việt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Cổ phiếu	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.768.221	2.768.221
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.768.221	2.768.221
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.768.221	2.768.221
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	23.964	23.964
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.964	23.964
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.744.257	2.744.257
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.744.257	2.744.257
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

14. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt trên hai lĩnh vực kinh doanh là vận tải và lĩnh vực kinh doanh cảng, kho bãi và cho thuê văn phòng. Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, hoặc lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong năm như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoạt động kinh doanh vận tải		
Doanh thu	20.834.559.900	45.746.549.882
Giá vốn	20.815.788.171	42.202.505.999
Lợi nhuận gộp	<u>18.771.729</u>	<u>3.544.043.883</u>
Hoạt động kinh doanh cảng, kho bãi và cho thuê văn phòng		
Doanh thu	30.109.421.504	30.234.841.518
Giá vốn	17.944.435.462	19.192.502.819
Lợi nhuận gộp	<u>12.164.986.042</u>	<u>11.042.338.699</u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.881.914.255	488.551.381
Chi phí nhân công	9.761.207.000	12.690.855.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.597.460.344	5.371.110.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.583.939.153	51.285.140.726
Chi phí khác	5.812.950.000	16.073.647.290
	<u>47.637.470.752</u>	<u>85.909.305.511</u>

002-C
NH
TỶ
ƯU HÃ
TE
M
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Việt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	337.299.165	(9.545.334.997)
Trừ: Chi phí trích trước năm trước được thực chi năm nay	(431.832.459)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	431.832.459
Lỗ tính thuế	(94.533.294)	(9.113.502.538)
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm kết thúc 31/12/2012 VND	Năm kết thúc 31/12/2011 VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	252.974.374	(7.159.001.247)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.744.257	2.744.257
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	92	(2.609)

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản vay	4.171.000.000	4.207.200.000
Trừ: Tiền	3.016.812.477	2.570.166.831
Nợ thuần	1.154.187.523	1.637.033.169
Vốn chủ sở hữu	27.682.210.000	27.682.210.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	4%	6%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN19-21-23 Phạm Viêt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	3.016.812.477	2.570.166.831
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.866.527.131	48.012.031.002
Tổng	38.883.339.608	50.582.197.833
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.171.000.000	4.207.200.000
Phải trả cho người bán và phải trả khác	12.087.208.267	26.989.769.701
Chi phí phải trả	3.130.071.498	4.935.648.029
Nhận ký quỹ dài hạn	60.000.000	60.000.000
Tổng	19.448.279.765	36.192.617.730

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viêt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	6.642.783	10.567.668	4.171.000.000	4.207.200.000

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với Đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá

Nếu tỷ giá của đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng 416.435.722 đồng (2011: lỗ trước thuế sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng 419.663.233 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua dịch vụ từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của dịch vụ cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và

1250
HI NI
ÔNG
NHIỆ
LỢI
T M
P. +

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền	3.016.812.477	-	3.016.812.477
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.866.527.131	-	35.866.527.131
Tổng	38.883.339.608	-	38.883.339.608
31/12/2012			
Các khoản vay	4.171.000.000	-	4.171.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	12.087.208.267	-	12.087.208.267
Chi phí phải trả	3.130.071.498	-	3.130.071.498
Nhận ký quỹ dài hạn	-	60.000.000	60.000.000
Tổng	19.388.279.765	60.000.000	19.448.279.765
Chênh lệch thanh khoản thuần	19.495.059.843	(60.000.000)	19.435.059.843
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền	2.570.166.831	-	2,570,166,831
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.012.031.002	-	48.012.031.002
Tổng	50.582.197.833	-	50.582.197.833
31/12/2011			
Các khoản vay	-	4.207.200.000	4.207.200.000
Phải trả người bán và phải trả khác	26.989.769.701	-	26.989.769.701
Chi phí phải trả	4.935.648.029	-	4.935.648.029
Nhận ký quỹ dài hạn	-	60.000.000	60.000.000
Tổng	31.925.417.730	4.267.200.000	36.192.617.730
Chênh lệch thanh khoản thuần	18.656.780.103	(4.267.200.000)	14.389.580.103

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	446.392.000	596.247.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Việt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

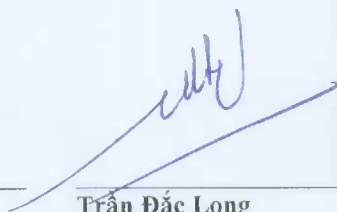
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG**

Ngày 18 tháng 12 năm 2006, Công ty Yuan Cherng Holdings Pte Ltd. gửi đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty thanh toán nợ vay 200.000 USD như được ghi nhận tại Thuyết minh số 9. Ngày 4 tháng 8 năm 2009, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 93/2009/KDTM-PT quyết định Công ty có nghĩa vụ phải trả khoản nợ vay này và lãi phải trả 799.000.000 đồng cho Công ty Yuan Cherng Holdings Pte Ltd. Theo Nghị Quyết số 183/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2012 của Hội đồng Quản trị, Công ty quyết định đình chỉ việc đề nghị kháng nghị Giám đốc thẩm về việc khởi kiện liên quan đến hợp đồng vay nợ 200.000 USD giữa Công ty và Công ty Yuan Cherng Holdings Pte Ltd. Theo đó, Công ty đồng ý với phán quyết của Tòa phúc thẩm về việc thanh toán khoản vay và lãi phải trả cho Công ty Yuan Cherng Holdings Pte Ltd. Vì vậy, khoản vay này được phân loại lại là Nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.



Hoàng Thị Thu Hạnh
Người lập biểu
Ngày 19 tháng 3 năm 2013



Trần Đắc Long
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Dũng
Tổng Giám đốc

